Shinhan Securities



CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 VN)

[Việt Nam / Tiện ích]

Bloomberg Code (NT2 VN) | Reuters Code (NT2.HM)

GIỮ

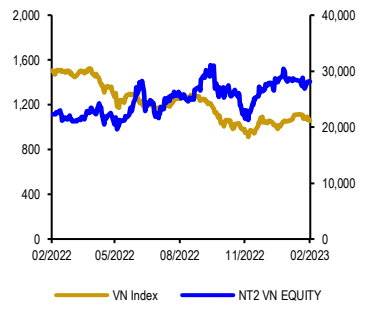
BC Cập nhật

Giá mục tiêu (12 tháng)	**VND 30,900**
Giá hiện tại (10/02/22)	VND 28,100
Suất sinh lời	10%

VNINDEX	1,055
P/E thị trường (23F, x)	9.8
Vốn hóa (tỷ VND)	8,089
SLCP đang lưu hành (triệu)	288
SLCP tự do giao dịch(triệu)	93
Tỷ lệ tự do giao dịch (%)	32.3
52 tuần cao/thấp(VND)	32,600/20,000
KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP)	0.95
GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND)	18
Sở hữu nước ngoài (%)	26.43

Cổ đông lớn (%)	POW	59.37
	Khác	40.63

Biến động giá	3T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	31.0	5.6	17.8
Tg đối với VN-Index (%)	19.6	21.7	47.8



Nguồn: Bloomberg

Mở tài khoản

[Chuyên viên]

Nhựt Nguyễn

☎ (84-28) 6299-7751

✉ nhut.nq@shinhan.com

Shinhan Securities

Sản lượng kỳ vọng tiếp tục phục hồi

Cập nhật khuyến nghị GIỮ, giá mục tiêu 30,900 đồng

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (HoSE: NT2) là một trong những doanh nghiệp nhiệt điện khí sở hữu có công suất lớn nhất niêm yết trên sàn chứng khoán. Dựa trên phương pháp FCFF và PE, chúng tôi cập nhật giá mục tiêu của NT2 ở mức 30,900 đồng tương ứng với tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng 10%. Trong năm 2023, chúng tôi đánh giá NT2 tiếp tục một khoản đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ vì: (1) Sản lượng có thể tiếp tục cải thiện khi tỷ lệ huy động từ thủy điện giảm sút; (2) Tài chính lành mạnh, nợ vay thấp và cổ tức tiềm năng ở mức cao.

Kết quả kinh doanh năm 2022

Trong năm 2022, CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ghi nhận doanh thu đạt 8,786 tỷ đồng (+43% YoY) và LNST đạt 729 tỷ đồng (+37% YoY). Động lực tăng trưởng chính đến từ sản lượng phục hồi lên mức 4,040 triệu kWh (+26% YoY) nhờ nhu cầu điện phục hồi mạnh mẽ. Bên cạnh đó, giá bán trung bình cũng tăng 13% YoY giúp biên lợi nhuận gộp nới từ 11% của năm 2021 lên 13% trong năm 2022.

Đáng chú ý, lãi ròng của NT2 trong quý 4 chỉ đạt 6 tỷ đồng (-95% YoY) do sản lượng Qc thấp trong bối cảnh chi phí đầu vào. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2022 đã tăng 297% YoY lên mức 330 tỷ, do NT2 phải dự phòng nợ phải thu khó đòi tổng 240 tỷ liên quan đến khoản nợ phải thu tiền điện của Công ty Mua bán Điện theo hợp đồng 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 được ký vào năm 2012 và các hợp đồng bổ sung.

Triển vọng năm 2023

Chúng tôi kỳ vọng sản lượng điện của NT2 sẽ tăng trưởng 7% YoY với động lực đến từ nhu cầu tiêu thụ điện được dự phóng tăng trưởng ở mức 6% và tỷ lệ huy động từ nhóm thủy điện được dự báo sẽ giảm sút khi thời tiết thuận lợi (La Nina) của nhóm này qua đi. Ngoài ra, NT2 sẽ thực hiện đại tu nhà máy định kỳ vào mùa thấp điểm (tháng 9, tháng 10) sẽ ảnh hưởng không quá nhiều vào tổng sản lượng của cả năm.

Về giá bán, chúng tôi dự phóng giá bán bình quân của NT2 giảm nhẹ -6% YoY khi giá khí đầu vào của NT2 đã giảm 17% so với mức đỉnh được thiết lập vào tháng 4 do giá hàng hóa trên thế giới đã hạ nhiệt. Từ những giả định trên, chúng tôi dự phóng doanh thu và lợi nhuận của NT2 lần lượt đạt VND 8,801 (+0.2% YoY) và VND 844 (+15.8% YoY).

Sức khỏe tài chính lành mạnh, dòng tiền dồi dào với ít nợ vay là một trong những ưu điểm lớn nhất của NT2 dự kiến sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2023. Bên cạnh đó, với vai trò là công ty con của Tổng công ty điện lực Dầu khí (HoSE: POW), chúng tôi kỳ vọng rằng NT2 sẽ mạnh tay chi trả cổ tức tiền mặt để hỗ trợ công ty mẹ triển khai NT3 & NT4.

Năm	2021	2022	2023F	2024F	2025F
Doanh thu (tỷ VND)	**6,150**	**8,786**	**8,801**	**9,065**	**9,198**
LN từ HĐKD (tỷ VND)	559	779	889	814	916
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	**534**	**729**	**844**	**768**	**864**
EPS (VND)	1,778	2,457	2,932	2,668	3,003
BPS (VND)	14,707	14,631	15,417	15,770	15,437
OPM	9%	9%	10%	9%	10%
NPM	9%	8%	10%	8%	9%
ROE	**15%**	**13%**	**16%**	**19%**	**17%**
PER (x)	11.4	9.6	8.2	10.5	9.4
PBR (x)	1.9	1.9	1.9	1.9	1.8
EV/EBITDA (x)	5.1	5.2	6.0	6.7	7.1

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision. Analysts employed by Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. , or a non-US affiliate thereof, are not registered/qualified as research analysts with FINRA, may not be associated persons of the member and may not be subject to FINRA restrictions on communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account. For analyst certification and important disclosures, refer to the Compliance & Disclosure Notice at the end of this report.

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá P/E và Chiết khấu dòng tiền (DCF) với tỷ trọng 50%-50% để định giá NT2. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị giữ với mức định giá 30,900 VND tương đương với suất sinh lời 10%.

Chi phí sử dụng vốn bình quân (WACC)

WACC (%)	**12.0**
Lãi suất phi rủi ro (%)	5.0
Phần bù rủi ro vốn cổ phần (%)	7.8
Beta	0.94
Chi phí nợ (%)	7.0
Chi phí sử dụng vốn (%)	12.3
Tỷ lệ nợ trên vốn	0.07
Giá trị nợ vay (tỷ VND)	631

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Mô hình định giá FCF của NT2

Đơn vị: tỷ VND	2023F	2024F	2025F	2026F	2027F
LN ròng	844	768	864	920	829
Cộng: Lãi vay sau thuế	15	15	15	15	15
Cộng: Khấu hao	717	746	646	274	306
Trừ: Thay đổi vốn lưu động	-272	261	11	-24	-23
Trừ: Vốn đầu tư	150	175	175	175	175
Dòng tiền tự do (FCFF)	**1,697**	**1,092**	**1,339**	**1,057**	**998**
Tỷ lệ chiết khấu	0.89	0.80	0.71	0.64	0.57
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	1,516	871	954	673	567
Tốc độ tăng trưởng dài hạn (%)	0%				
Giá trị hiện tại của giá trị dài hạn	4,740				
Giá trị doanh nghiệp	9,321				
Nợ vay	631				
Tiền và tương đương tiền	384				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tỷ đơn vị)	0.29				
Giá mục tiêu (VND)	**31,524**				

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

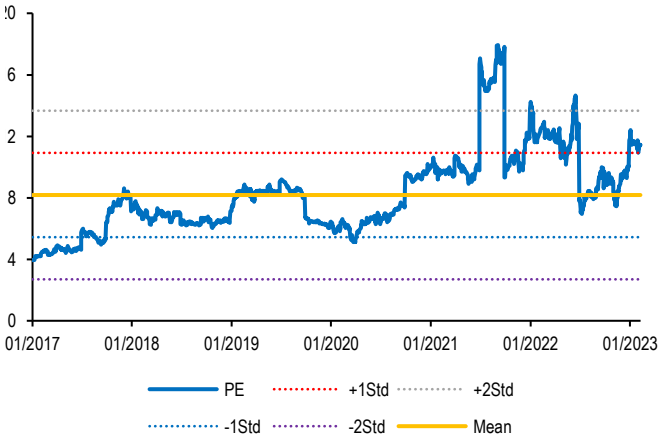
Dựa trên phương pháp P/E, chúng tôi thu thập dữ liệu từ các doanh nghiệp trong ngành năng lượng tại Việt Nam và khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Trung bình P/E của các doanh nghiệp ngành điện trong thống kê (ngoại trừ NT2) là 10.3x. Kết hợp dự phóng EPS forward của NT2 ở mức 2,932 đồng, chúng tôi kỳ vọng giá mục tiêu 12 tháng của NT2 ở mức 30,200 đồng.

So sánh các doanh nghiệp trong ngành

Mã chứng khoán	PE	Vốn hóa (triệu USD)	Tăng trưởng EPS (%)	ROA (%)	ROE (%)
NT2 VN Equity	11.4	343.2	38.2	10.5	16.3
POW VN Equity	14.8	1,192.3	6.9	3.5	6.4
PGV VM Equity	9.2	908.0	(25.7)	3.5	13.7
SPCG TB Equity	6.9	455.4	(8.4)	9.4	13.3
SUPER TB Equity	17.0	504.4	84.5	1.2	5.1
SSP TB Equity	8.1	362.2	28.3	6.0	20.9
579 HK Equity	5.6	2,195.1	2.8	3.5	10.0
Trung bình (trừ NT2)	10.3				
EPS forward (VND)	2,932				
Giá mục tiêu (VND)	30,200				

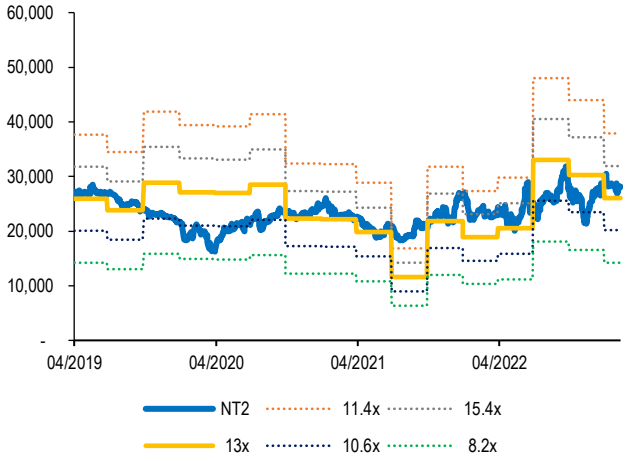
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

PER của NT2



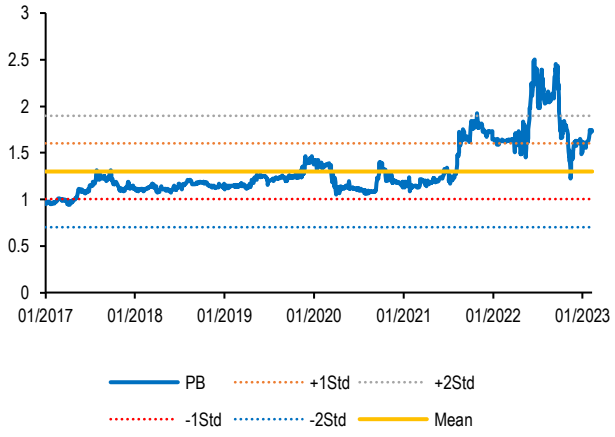
Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PER band của NT2



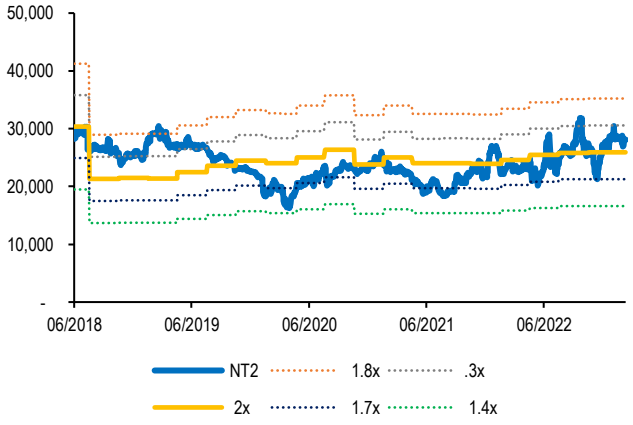
Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

PBR của NT2



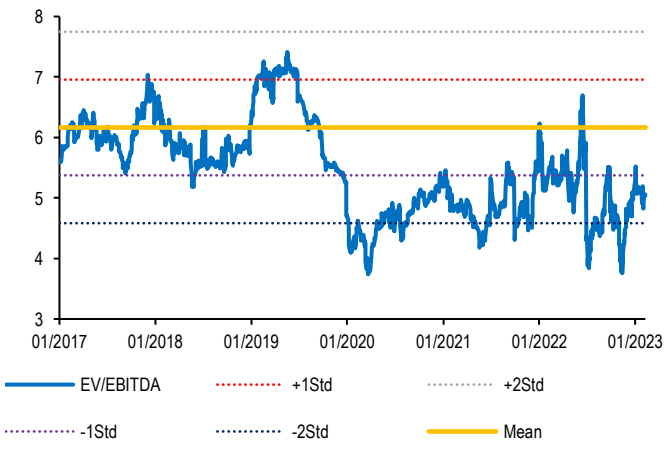
Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Biểu đồ PBR band của NT2



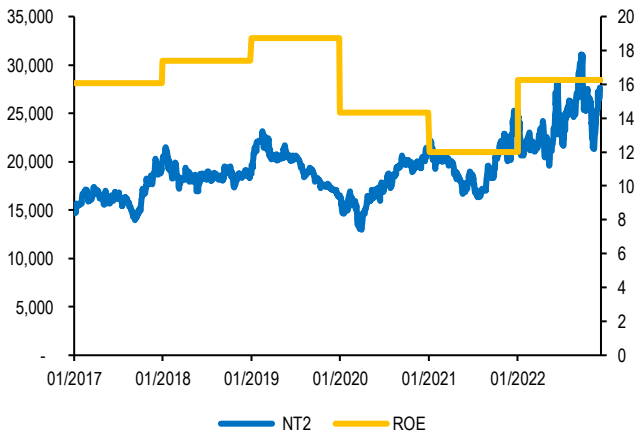
Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

EV/EBITDA của NT2



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Tương quan giá của NT2 và ROE



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Sự kiện quan trọng của NT2



Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Phụ lục: Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Năm (Tỷ đồng)	2021	2022	2023F	2024F	2025F
Tổng tài sản	**6,624**	**7,285**	**7,409**	**7,298**	**7,286**
Tài sản ngắn hạn	2,581	4,357	5,068	5,529	5,988
Tiền và tương đương tiền	1	384	860	949	882
Đầu tư TC ngắn hạn	0	949	1,320	1,360	1,840
Các khoản phải thu	2,269	2,716	2,485	2,805	2,845
Hàng tồn kho	311	307	403	415	421
Tài sản dài hạn	4,043	2,929	2,340	1,770	1,298
Tài sản cố định	3,475	2,787	2,221	1,650	1,179
Chi phí xây dựng cơ bản	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	546	120	120	120	120
Tổng nợ	**2,390**	**2,826**	**2,885**	**2,870**	**3,001**
Nợ ngắn hạn	2,390	2,826	2,885	2,870	3,001
Khoản phải trả	2,170	2,185	2,359	2,430	2,466
Vay và nợ thuê tài chính ngắn	210	631	515	429	525
Khác	11	10	11	11	11
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	**4,234**	**4,460**	**4,561**	**4,466**	**4,322**
Vốn góp chủ sở hữu	2,879	2,879	2,879	2,879	2,879
Thặng dư vốn	0	0	0	0	0
Vốn khác	160	182	160	160	160
Lợi nhuận giữ lại	1,196	1,400	1,523	1,428	1,285
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0	0
*Nợ vay	210	631	515	429	525
*Nợ ròng (tiền)	209	(703)	(1,665)	(1,879)	(2,197)

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm (Tỷ đồng)	2021	2022	2023F	2024F	2025F
Doanh thu thuần	**6,150**	**8,786**	**8,801**	**9,065**	**9,198**
Tăng trưởng (%)	*1.1*	*42.9*	*0.2*	*3.0*	*1.5*
Giá vốn hàng bán	(5,474)	(7,685)	(7,839)	(8,134)	(8,182)
Lợi nhuận gộp	**676**	**1,101**	**962**	**930**	**1,016**
Biên lợi nhuận gộp (%)	*11.0*	*12.5*	*10.9*	*10.3*	*11.0*
Chi phí BH & QLDN	(83)	(330)	(108)	(153)	(155)
LN từ HĐKD	**593**	**772**	**853**	**777**	**861**
Tăng trưởng (%)	*(16.3)*	*39.4*	*14.1*	*(8.4)*	*12.6*
Biên LN từ HĐKD (%)	*9.6*	*8.8*	*9.7*	*8.6*	*9.4*
LN khác	(27)	7	35	37	56
Thu nhập tài chính	18	24	53	54	74
Chi phí tài chính	(52)	(18)	(18)	(18)	(18)
Trong đó: Chi phí lãi vay	(20)	(15)	(15)	(15)	(15)
Lợi nhuận ròng từ HĐKD khác	7	0	0	0	0
LNTT	**566**	**779**	**889**	**814**	**916**
Thuế TNDN	(32)	(50)	(44)	(46)	(52)
LNST	**534**	**729**	**844**	**768**	**864**
Tăng trưởng (%)	*(14.6)*	*36.6*	*15.7*	*(9.0)*	*12.6*
Biên lợi nhuận ròng (%)	*8.7*	*8.3*	*9.6*	*8.5*	*9.4*
LNST cổ đông công ty mẹ	534	729	844	768	864
Lợi ích CĐTS	0	0	0	0	0
LN trước thuế và lãi vay	**586**	**794**	**904**	**829**	**932**
Tăng trưởng (%)	*(16.4)*	*35.5*	*13.8*	*(8.2)*	*12.3*
Biên LN (%)	*9.5*	*9.0*	*10.3*	*9.2*	*10.1*
LN trước thuế, lãi vay và khấu hao	**1,276**	**1,482**	**1,621**	**1,575**	**1,578**
Tăng trưởng (%)	*(8.4)*	*16.2*	*9.3*	*(2.8)*	*0.2*
Biên LN (%)	*20.7*	*16.9*	*18.4*	*17.4*	*17.2*

Lưu chuyển tiền tệ

Năm (Tỷ đồng)	2021	2022	2023F	2024F	2025F
Tiền từ HĐKD	**1,074**	**1,383**	**1,669**	**1,198**	**1,426**
Lợi nhuận ròng	534	729	733	768	865
Khấu hao	690	688	717	746	646
(Lãi) từ HĐ đầu tư	(11)	(21)	(53)	(54)	(74)
Thay đổi vốn lưu động	350	(855)	272	(261)	(11)
Thay đổi khác	(489)	842	-	-	0
Tiền từ HĐ đầu tư	**9**	**(946)**	**(468)**	**(160)**	**(581)**
Thay đổi tài sản cố định	(2)	(1)	(97)	(121)	(101)
Thay đổi tài sản đầu tư	-	(949)	(371)	(40)	(480)
Khác	11	4	-	-	-
Tiền từ HĐ tài chính	**(1,143)**	**(54)**	**(836)**	**(949)**	**(912)**
Thay đổi vốn cổ phần	-	-	-	-	-
Tiền đi vay/(trả) nợ	(523)	472	(116)	(86)	96
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	(620)	(525)	(720)	(864)	(1,008)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**(61)**	**383**	**365**	**89**	**(67)**
Tổng tiền đầu năm	62	1	384	749	838
Thay đổi trong tỷ giá	-	-	-	-	-
Tổng tiền cuối năm	1	384	749	838	771

Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

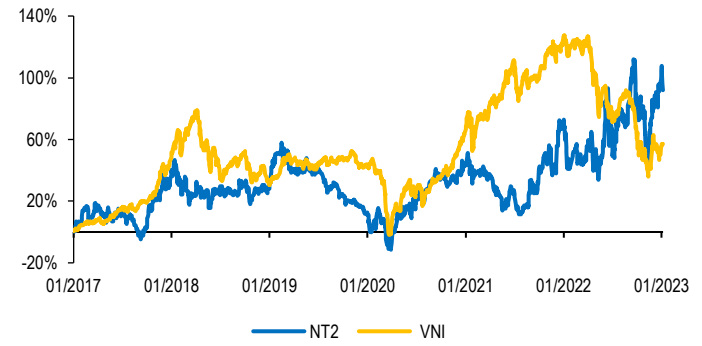
Các chỉ số chính

Năm	2021	2022	2023F	2024F	2025F
EPS (đồng)	1,778	2,457	2,932	2,668	3,003
BPS (đồng)	14,706	15,492	15,845	15,512	15,015
PER (x)	11.4	9.6	8.2	10.5	9.4
PBR (x)	1.9	1.9	1.9	1.9	1.8
EV/EBITDA (x)	5.1	5.2	6.0	6.7	7.1
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	20.0	16.5	20.0	25.0	30.0
Lãi cổ tức (%)	8.1	5.9	7.1	8.9	10.7
Khả năng sinh lời					
Biên EBITDA (%)	20.7	16.9	18.4	17.4	17.2
Biên LN từ HĐKD (%)	9.6	8.8	9.7	8.6	9.4
Biên LNST (%)	8.7	8.3	9.6	8.5	9.4
ROA (%)	8.1	10.0	11.4	10.5	11.9
ROE (%)	12.6	16.4	18.5	17.2	20.0
Khả năng tài chính					
Nợ vay /Vốn chủ sở hữu (%)	5.0	14.1	11.3	9.6	12.1
Nợ vay ròng/ EBITDA (%)	16.3	(47.4)	(102.8)	(119.3)	(139.2)
Tỷ số thanh toán tiền mặt (%)	0.1	47.2	75.6	80.4	90.7
Khả năng thanh toán lãi vay (x)	28.8	51.7	58.8	54.0	60.6
Hiệu quả hoạt động (%)					
Số ngày vốn lưu động (ngày)	8.6	9.7	10.3	9.5	9.4
Số ngày hàng tồn kho (ngày)	17.5	24.9	22.1	19.9	19.6
Số ngày khoản phải thu (ngày)	3.3	3.6	3.4	3.4	3.3

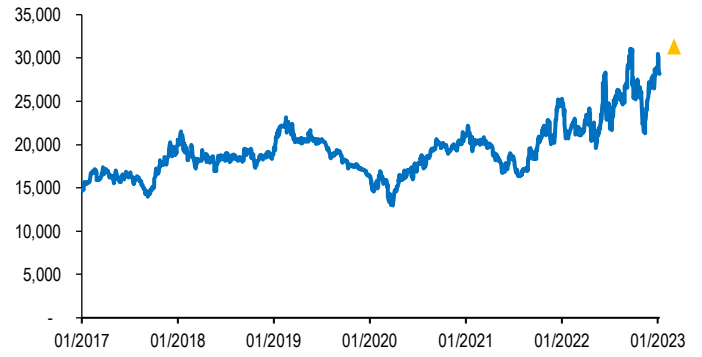
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 VN)

Diễn biến giá



Giá mục tiêu (VND)



Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (VND)	Khoảng giá MT (%) Trung bình	Cao/Thấp
11/11/2022 (BC lần đầu)	MUA	32,950	38.4	6.1/68.1
13/02/2023 (BC cập nhật)	GIỮ	30,900	19.4	0.5/36.5

Lưu ý: Tính toán chênh lệch giá mục tiêu dựa trên 12 tháng qua

Shinhan Securities Vietnam

Cổ phiếu	Ngành
◆ **MUA:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ 15% trở lên ◆ **GIỮ:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ -15% đến 15% ◆ **BÁN:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng thấp hơn -15%	◆ **TÍCH CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị MUA ◆ **TRUNG LẬP:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị GIỮ ◆ **TIÊU CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị BÁN

Compliance & Disclosure Notice

Analyst Certification

- The following analysts hereby certify that their views about the companies and securities discussed in this report are accurately expressed and that they have not received and will not receive direct or indirect compensation in exchange for expressing specific recommendations or views in this report: Nhut Nguyen

Important Disclosures & Disclaimers

- As of the date of publication, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does not beneficially own 1% or more of any class of common securities of the following companies mentioned in this report: NT2 VN
- Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or one of its affiliates, and/or their respective officers, directors, or employees may have interests, or long or short positions, and may at any time make purchases or sales as a principal or agent of the securities of the companies mentioned in this report.
- As of the date of publication, research analysts responsible for this report and members of their households do not have any financial interest in the debt or securities of the companies mentioned in this report.
- Research analysts responsible for this report receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. including profits derived from investment banking. The analysts responsible for this report may also receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of sales and trading businesses relating to the class of securities or financial instruments for which such analysts are responsible.
- All opinions and estimates regarding the companies and their securities are accurate representations of the research analysts' judgments and may differ from actual results.
- This report is intended to provide information to assist investment decisions only, and should not be used or construed as an offer or a solicitation of an offer to buy or sell any securities. The information herein has been obtained from sources deemed reliable, but such information has not been independently verified and no guarantee, representation, or warranty, expressed or implied, is made as to its accuracy, completeness, or correctness. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. makes the best effort but does not guarantee the accuracy, completeness, or correctness of information and opinions translated into English from original Vietnamese language materials. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. accepts no liability whatsoever for any direct, indirect, and/or consequential loss arising from any use of this material or its contents. Stock selection and final investment decisions should be made at the investor's own and sole discretion.
- This report is distributed to our customers only, and any unauthorized use, duplication, or redistribution of this report is strictly prohibited.
- Investing in any Vietnamese securities or related financial instruments discussed in this research report may present certain risks. The securities of Vietnamese issuers may not be registered with, or be subject to the regulations of, the US Securities and Exchange Commission. Information on Vietnamese securities or related financial instruments may be limited. Foreign companies may not be subject to audit and reporting standards and regulatory requirements comparable to those in effect within the US. The value of any investment or income from any securities or related financial instruments discussed in this research report denominated in currencies other than the Vietnamese won is subject to exchange rate fluctuations that may have a positive or adverse effect on the value of or income from such securities or related financial instruments.

Distribution

- United States: This report is distributed in the US by Shinhan Investment America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major US institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) of the US Securities Exchange Act of 1934. All US persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are major US institutional investors and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any US recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Shinhan Investment America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the US. The securities described herein may not have been registered under the US Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the US or to US persons unless they have been registered or are in compliance with an exemption from registration requirements.
- All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.



Shinhan Investment Network

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
23-2, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

Hong Kong

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

Indonesia

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

Shanghai

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

Ho Chi Minh

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

Ha Noi

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000